

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/KDTM- ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Kim Thanh**

Bà Trần Thị Hậu

Thư ký phiên toà: **Bà Diệp Minh Hương** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên toà : **Bà Nguyễn Thị Lan Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2023/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Công Ty cổ phần D FARM

Địa chỉ: Tòa nhà M, lô T đường D, Khu C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Châu Trần Kim N - Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Điền Hồ Phước T (có mặt) hoặc bà Chu Thị H (vắng mặt) (Văn bản uỷ quyền số 13/2023/4K FARM/UQ ngày 11/10/2023)

Địa chỉ: Tòa nhà M, lô T đường D, Khu C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:* Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S)

Địa chỉ: tổ B, thôn T, xã C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Việt T1 - Giám đốc (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H1

Địa chỉ: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2023 bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đ Hồ Phước T trình bày:

Do có nhu cầu giao dịch mua bán các sản phẩm rau từ ngày 16/02/2022 đến tháng 12/10/2022 Công ty TNHH S liên hệ các nhân viên của 4K FARM để thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa với nhau nhưng không tiến hành ký kết hợp đồng. Từ ngày 29/7/2022 đến ngày 12/10/2022 4K FARM đã giao hàng thành công cho Công ty TNHH S các sản phẩm rau với tổng trị giá công nợ phát sinh chưa thanh toán là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Ngày 12/12/2022 Công ty TNHH S gửi đơn xin gia hạn về việc thanh toán số tiền 111.321.000đ, đây là số tiền sau khi Anh Khoa tự động căn trừ các khoản công nợ mà Anh K cho rằng 4K FARM có mua rau từ Công ty S.

Ngày 12/9/2023 Công ty TNHH S và 4K FARM có biên bản làm việc với nội dung Công ty TNHH S còn nợ 4K FARM với tổng số tiền là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Tuy nhiên, sau rất nhiều lần gửi văn bản nhắc nhở yêu cầu thanh toán nợ nhưng Công ty TNHH S vẫn không có thiện chí. Do đó, Công ty CP D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho 4K FARM toàn bộ số tiền nợ là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 17/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) với lãi suất 10%/năm, tương đương 21.661.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng).

Theo bản tự khai, các buổi làm việc và tại phiên tòa, Bị đơn Công ty TNHH S trình bày:

Ngày 12/9/2023 Công ty TNHH S và 4K FARM có biên bản làm việc xác nhận công nợ đối với 4K FARM là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Tuy nhiên, quá trình giao dịch mua bán, 4K Farm có mua hàng hóa (nông sản) của Công ty TNHH S với tổng số nợ phát sinh chưa thanh toán cho Công ty TNHH S là 114.522.000đ (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH S yêu cầu 4K FARM phải căn trừ số tiền mà 4K FARM chưa thanh toán là 114.522.000đ (Một trăm mười bốn triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Tại bản tự khai ngày 20/9/2024, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Vào khoảng tháng 7 đến tháng 9/2024 Công ty CP D có mua rau của Công ty TNHH S. Bà H1 là nhân viên của công ty 4K FARM được phân công nhiệm vụ

hàng ngày liên hệ với phía công ty S để cập nhật loại hàng hoá do phía Công ty S đang cung cấp. Sau khi cập nhật được thông tin, bà H1 có trách nhiệm báo cáo lại công ty. Bà H1 xác định bà không được phân công nhiệm vụ nhận hàng hoá và bà cũng không trực tiếp nhận hàng từ công ty S cung cấp cho 4K FARM.

Đến thời điểm mở phiên toà, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới về vụ án.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; phía nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 12/9/2023 giữa Công ty TNHH S và Công ty cổ phần D, Công ty TNHH S đã xác nhận công nợ đối với 4K FARM là 225.893.500đ. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH S có yêu cầu Công ty cổ phần D FARM cản trừ công nợ do Công ty cổ phần D còn nợ trong quá trình Công ty cổ phần D FARM mua hàng hóa của Công ty S với số tiền 114.522.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Công ty TNHH S không đưa ra yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét thấy, Công ty TNHH S đã có xác nhận công nợ đối với 4K FARM với tổng số tiền là 225.893.500đ, có chữ ký của hai bên tại biên bản làm việc ngày 12/9/2023. Nay, Công ty CP D yêu cầu Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho 4K FARM toàn bộ số tiền nợ là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 17/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2024) với lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2023, Công ty CP D khởi kiện yêu Công ty TNHH S thanh toán nợ phát sinh từ quá trình giao dịch mua bán hàng hoá. Do đó xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại có quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng mua*

bán hàng hoá”. Bị đơn có trụ sở hoạt động tại thị xã P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty CP D đối với Công ty TNHH S về số tiền nợ gốc thì thấy:

Việc giao dịch mua bán hàng hoá giữa hai bên mặc dù không có hợp đồng nhưng hoàn toàn có thật; Tại biên bản làm việc ngày 12/9/2023 hai bên đã thống nhất xác nhận Công ty TNHH S còn nợ Công ty CP D với tổng số tiền 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng), có chữ ký của hai bên. Từ ngày 12/9/2023 đến nay Công ty S đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ, chưa thanh toán cho công ty D bất kỳ khoản tiền nào. Do đó, Công ty CP D yêu cầu Công ty TNHH S thanh toán toàn bộ số tiền nợ 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu tiền lãi tạm tính từ ngày 17/10/2023 đến đến ngày xét xử (ngày 30/9/2024) với mức lãi suất 10%/năm thì thấy:

Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Tại văn bản xác minh lãi suất tại Ngân hàng TMCP K1 áp dụng thì lãi cho vay trong hạn bình quân là 11.43%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tương đương 17.15%/năm; tại Ngân hàng TMCP N1 thì lãi cho vay ngắn, trung, dài hạn là 5,1% đến 6,4%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; tại Ngân hàng TMCP Đ1 thì lãi cho vay ngắn, trung và dài hạn là 7.2 đến 8.9%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét thấy, Do Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Công ty CP D yêu cầu mức lãi suất quá hạn là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất trung bình quá hạn trên thị trường, đó đó Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất do Công ty CP D FARM yêu cầu áp dụng như sau: 225.893.500đ x 10%/năm x 11 tháng 13 ngày = 21.773.396đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi sáu đồng)

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty CP D: Buộc Công ty TNHH S phải có nghĩa vụ trả cho Công ty CP D tổng số tiền 247.666.896đ (Hai trăm bốn mươi

bảy triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi là 21.773.396đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi sáu đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH S có yêu cầu Công ty cổ phần 4K FARM cân trừ công nợ do Công ty cổ phần D còn nợ trong quá trình Công ty cổ phần D FARM mua hàng hóa của Công ty S với số tiền 114.522.000đ. Tuy nhiên, Công ty TNHH S không đưa ra yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và dành quyền khởi kiện vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận nên Công ty TNHH S phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 30, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11, Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty CP D đối với Công ty TNHH S về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”.

Buộc Công ty TNHH S phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP D FARM tổng số tiền 247.666.896đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là 225.893.500đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 21.773.396đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả và tương ứng với số tiền còn phải thi hành án.

2. * Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty TNHH S phải nộp 12.383.345 (Mười hai triệu ba trăm tám mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

+ Hoàn trả lại toàn bộ số tiền 5.647.000đ (Năm triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí Công ty CP D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002737 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ.

Quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt được hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ
- Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG

**Hội thẩm nhân dân
phiên tòa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân**

Chủ tọa